TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2020/HSST
Ngày 30/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Đừng và bà Nguyễn Thị Bạn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột: Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 321/2020/HSST ngày 18 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2020, đối với:

Bị cáo NGUYỄN XUÂN A (Tên gọi khác: B).
Sinh ngày: 22/7/2001, tại: Đắk Nông.
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Tin Lành; con ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1966 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; có vợ Võ Thị Thu T, sinh năm 2002 (đã ly hôn), có một con sinh năm 2018.
- Tiền án: Không; tiền sự: Không.
Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.
- *Người bị hại:* Chị Nông Thị T. Sinh năm: 1988.
Trú tại: Đường Y, phường T, thành phố B, , tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
(Chị Tuyền có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Huỳnh Thanh L. Sinh năm 1990.
Trú tại: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
Bà Đào Thị Thanh X. Sinh năm 1970.
Trú tại: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Xuân A bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 02/8/2020, Nguyễn Xuân A đến phòng trọ địa chỉ: 246 Y Moan, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk của chị Nông Thị T (là người quen của Xuân A), để xin ngủ lại. Tại đây, Xuân A nghe được chị T nói với chị Nông Thị Th (là bạn cùng phòng trọ), là dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát: 84K6 – 2902, của chị T vào phòng vì trong cốp xe có tiền, nên Xuân A nảy sinh ý định trộm cắp số tiền để trong cốp xe của chị T, để tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 03/8/2020, lợi dụng lúc mọi người ngủ say, Xuân A lén lút lấy chìa khóa xe mô tô để dưới gối của chị T rồi mở cốp xe mô tô biển kiểm soát 84K6 - 2902, lấy chiếc túi xách mở ra thấy bên trong có 01 bọc nilông màu đen, Xuân A dùng tay xé ra thì thấy 01 cọc tiền nên đã trộm cắp một xấp tiền, bỏ vào túi quần rồi cất cọc tiền còn lại vào chiếc túi xách trong cốp xe của chị T và để chìa khóa xe lại vị trí cũ rồi đi ngủ. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày, do sợ chị T phát hiện nên Xuân A nhờ anh Đặng Văn P (là bạn của Xuân A), chở ra siêu thị Coopmart, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, để đón xe về nhà. Sau khi anh P đi khỏi Xuân A không đi về nhà mà đón xe taxi hãng Quyết Tiến (chưa xác định biển số xe), đi đến tiệm cầm đồ do chị Đào Thị Thanh X (làm chủ) để chuộc lại chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màu đồng với số tiền là 2.020.000 đồng. Khi ở trên xe taxi Xuân A đếm số tiền trộm cắp của chị T là 13.500.000 đồng. Sau khi chuộc điện thoại, Xuân A tiếp tục đi taxi đến quán net Gia Hoàng, địa chỉ: 101-103 Mạc Thị Bưởi, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, gặp anh Huỳnh Thanh L (là bạn Xuân A), đang ngồi uống cà phê ở gần quán nét. Xuân A nhờ anh L giữ dùm số tiền 10.800.000 đồng và chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus, số tiền còn lại Xuân A trả tiền xe taxi hết 550.000 đồng. Sau khi bị trộm cắp tài sản chị T làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, để giải quyết. Ngày 03/8/2020 Cơ quan điều tra tạm giữ: Số tiền 10.800.000 đồng của Huỳnh Thanh L, số tiền 130.000 đồng của Xuân A và số tiền 2.020.000 đồng của chị X, để phục vụ công tác điều tra. Ngày 03/9/2020 Xuân A tự nguyện giao nộp số tiền 550.000 đồng cho Cơ quan điều tra, để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra xác định: Số tiền 13.500.000 đồng là tài sản của chị Nông Thị T. Ngày 15/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền 13.500.000 đồng cho chị T nhận quản lý, sử dụng.

Tại bản cáo trạng số: 328/CT-VKS TP.BMT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

- Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền 13.500.000 đồng cho chị Nông Thị T là chủ sở hữu.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chị T không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như trong bản Cáo trạng; bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Xuân A tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ sáng ngày 03/8/2020, tại địa chỉ: 246 Y Moan Ênuôl, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Xuân A đã lén lút chiếm đoạt của chị Nông Thị T số tiền 13.500.000 đồng, sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện xử lý. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.500.000 đồng.

Vì vậy,Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là công dân có đầy đủ nhận thức tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ và biết rõ mọi hành vi xâm hại đến tài sản của người khác đều phải bị trừng trị. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động, lợi dụng sự sơ hở của chị T trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của chị T số tiền 13.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, mất an ninh tại địa phương, xâm phạm đến trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, mới đủ tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã tự nguyện bồi thường và trả lại cho chị Tuyền số tiền 13.500.000 đồng và được chị T tự nguyện làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhất thời phạm tội và có nơi cư trú rõ ràng; hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ (sinh năm 2018). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối áp dụng với bị cáo A là phù hợp, nên cần chấp nhận.

- Đối với anh Huỳnh Thanh L khi nhận giữ giùm cho bị cáo 01 chiếc điện thoại Iphone 6S Plus và số tiền 10.800.000 đồng, anh L không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

- Đối với chị Đào Thị Thanh X không biết số tiền 2.020.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Xuân A đem đến chuộc lại chiếc điện thoại là số tiền do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

- Đối với anh Đặng Văn P khi chở bị cáo đến khu vực siêu thị Coop-mart, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, anh P không biết bị cáo vừa thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

[2] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền 13.500.000 đồng cho chị Nông Thị T là chủ sở hữu.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chị T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

[1] Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Xuân A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt Nguyễn Xuân A: 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân A cho Uỷ ban nhân dân xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Xuân A cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Xuân A phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Xuân A phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Xuân A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền 13.500.000 đồng cho chị Nông Thị T là chủ sở hữu.

(Đặc điểm như biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 16/9/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột với chị Nông Thị T).

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Chị Tuyền không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Xuân A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh,VKSND Tp.BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an Tp.BMT;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Hải